

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

-----\*\*\*-----



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **QUÝ III NĂM 2020**

**ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ III NĂM 2020**

<i>STT</i>	<i>BIỂU SỐ</i>	<i>NỘI DUNG BIỂU</i>	<i>KỲ BÁO CÁO</i>	<i>TRANG</i>
1	B01-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ III NĂM 2020	1-2
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ III NĂM 2020	3-3
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ III NĂM 2020	4-4
4	B09-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ III NĂM 2020	5-20

**NGƯỜI LẬP**

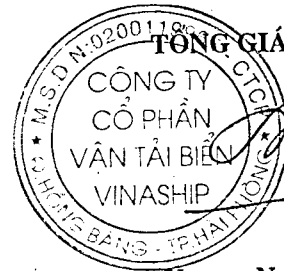


*Nguyễn Bảo Ngọc*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



*Trần Thị Thanh Hương*



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Vương Ngọc Sơn*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

**QUÝ III NĂM 2020**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/09/2020	NGÀY 01/01/2020
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>112.434.200.729</b>	<b>112.985.177.550</b>
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
<b>I - Tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>21.714.679.915</b>	<b>18.012.704.619</b>
1 - Tiền	111		21.714.679.915	18.012.704.619
2 - Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III - Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>53.754.326.097</b>	<b>47.435.284.146</b>
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	38.586.425.294	34.885.665.848
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.409.585.886	5.748.996.287
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	19.006.317.045	17.098.296.889
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	V.5	(10.248.002.128)	(10.297.674.878)
<b>IV - Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>25.487.928.727</b>	<b>34.706.274.762</b>
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	25.487.928.727	34.706.274.762
2 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V - Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.477.265.990</b>	<b>12.830.914.023</b>
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	1.453.390.772	2.053.768.942
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.649.730.301	2.401.882.759
3 - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	8.374.144.917	8.375.262.322
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>435.814.446.652</b>	<b>499.319.125.474</b>
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
<b>I - Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II - Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>403.943.198.279</b>	<b>472.254.781.761</b>
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	403.764.698.279	472.254.781.761
- Nguyên giá	222		1.383.082.259.524	1.474.659.127.438
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(979.317.561.245)	(1.002.404.345.677)
2 - Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	178.500.000	-
- Nguyên giá	228		427.654.500	238.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(249.154.500)	(238.654.500)
<b>III - Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>6.517.332.561</b>	<b>413.979.660</b>
- Nguyên giá	231		24.382.984.619	6.636.446.595
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(17.865.652.058)	(6.222.466.935)
<b>IV - Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.7</b>	<b>841.936.291</b>	<b>763.686.291</b>
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		841.936.291	763.686.291
<b>V - Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.284.124.005</b>	<b>4.308.029.805</b>
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	5.998.468.525	5.998.468.525
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(1.714.344.520)	(1.690.438.720)
<b>V - Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.227.855.516</b>	<b>21.578.647.957</b>
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	20.227.855.516	21.578.647.957
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 270 = 100 + 200 )</b>	<b>270</b>		<b>548.248.647.381</b>	<b>612.304.303.024</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/09/2020	NGÀY 01/01/2020
1	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ ( 300 = 310 + 330 )</b>	<b>300</b>		<b>484.793.786.990</b>	<b>549.232.307.900</b>
<b>I - Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>248.688.359.669</b>	<b>260.002.510.346</b>
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	35.656.064.868	56.414.358.799
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		626.130.000	-
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	409.160.137	39.508.724
4 - Phải trả người lao động	314		8.518.877.909	13.759.724.744
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	241.369.640	3.434.754.003
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	194.338.523	58.129.869
9- Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	39.996.698.759	35.534.252.915
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	161.343.284.733	148.510.134.192
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.702.435.100	2.251.647.100
<b>II - Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>236.105.427.321</b>	<b>289.229.797.554</b>
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	59.491.421.071	75.695.237.554
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	176.614.006.250	213.534.560.000
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>63.454.860.391</b>	<b>63.071.995.124</b>
<b>I - Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>63.454.860.391</b>	<b>63.071.995.124</b>
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		82.932.721.854	82.932.721.854
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(219.477.861.463)	(219.860.726.730)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(217.557.635.986)	(249.133.828.468)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.920.225.477)	29.273.101.738
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>548.248.647.381</b>	<b>612.304.303.024</b>

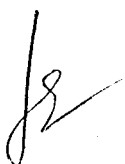
Lập ngày 15 tháng 10 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

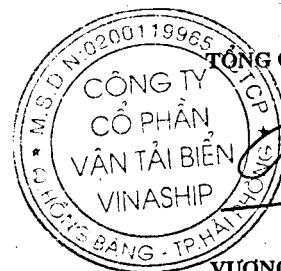


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



TỔNG GIÁM ĐỐC

VƯƠNG NGỌC SON

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)  
**QUÝ III NĂM 2020**

Đơn vị tính: VND

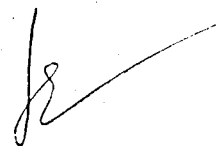
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ III		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ III	
			QUÝ III NĂM 2020	QUÝ III NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2019
1	2	3	4	5	6	7
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	124.142.313.847	170.415.072.417	369.739.045.106	531.064.556.341
2- Các khoản giảm trừ	02			-	-	-
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 - 02 )	10	VI.26	124.142.313.847	170.415.072.417	369.739.045.106	531.064.556.341
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	135.133.747.846	165.384.990.338	381.916.699.881	496.833.228.667
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10 - 11 )	20		(10.991.433.999)	5.030.082.079	(12.177.654.775)	34.231.327.674
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21		236.897.633	1.075.232.494	405.862.819	1.351.041.337
7 - Chi phí tài chính	22		4.140.681.869	6.274.655.779	15.954.561.736	16.893.679.591
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		4.609.050.198	6.198.344.982	15.392.803.554	15.339.715.515
8 - Chi phí bán hàng	25		2.171.492.615	2.101.745.146	4.578.054.167	8.353.043.087
9 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.952.003.315	4.529.952.115	13.384.406.030	16.415.717.524
10 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + ( 21 - 22 ) - ( 25 + 26 )	30		(22.018.714.165)	(6.801.038.467)	(45.688.813.889)	(6.080.071.191)
11 - Thu nhập khác	31		20.200.279.688	10.000.037.000	46.250.470.731	36.016.417.024
12 - Chi phí khác	32		101.791.000	754.012.993	178.791.575	824.110.394
13 - Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )	40		20.098.488.688	9.246.024.007	46.071.679.156	35.192.306.630
14 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50= 30 + 40 )	50		(1.920.225.477)	2.444.985.540	382.865.267	29.112.235.439
15 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			-	-	-
16 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-	-	-
17 - Lợi nhuận sau thuế TNDN ( 60 = 50 - 51-52 )	60		(1.920.225.477)	2.444.985.540	382.865.267	29.112.235.439
18 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			122	19	1.456
19 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(96)			

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương

Lập ngày 15 tháng 10 năm 2020



Vương Ngọc Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP.Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

Mẫu số : B03 -DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ III NĂM 2020

Đơn vị tính : đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III	
			NĂM 2020	NĂM 2019
1	2	3	4	5
<b>I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1 - Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		382.901.823.388	544.325.937.245
2 - Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(296.515.028.314)	(426.122.195.604)
3 - Tiền chi trả cho người lao động	03		(62.012.368.724)	(61.840.479.269)
4 - Tiền chi trả lãi vay	04		(5.676.341.030)	(4.737.865.099)
6 - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.646.035.970	9.466.247.416
7 - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.531.089.253)	(27.483.752.986)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>		<b>4.813.032.037</b>	<b>33.607.891.703</b>
<b>II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.508.506.727)	(1.600.210.423)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		26.241.181.818	19.190.363.637
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		34.544.804	31.365.780
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>24.767.219.895</b>	<b>17.621.518.994</b>
<b>III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3 - Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII	2.740.000.000	13.090.000.000
4 - Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII	(26.897.024.829)	(56.170.000.000)
5 - Tiền chi trả nợ thuê tài chính				-
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.720.933.412)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(25.877.958.241)</b>	<b>(43.080.000.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ ( 50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3.702.293.691</b>	<b>8.149.410.697</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>		<b>18.012.704.619</b>	<b>27.652.496.804</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(318.395)	(39.990.412)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ ( 70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>21.714.679.915</b>	<b>35.761.917.089</b>

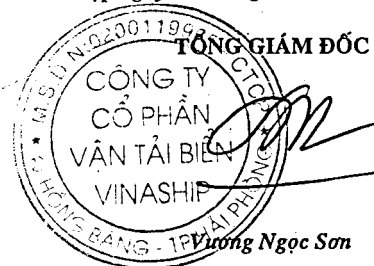
Lập ngày 15 tháng 10 năm 2020

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Hương



Lương Ngọc Sơn

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

---

Mẫu số B09-DN

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY III NĂM 2020

#### I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### 1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần vốn Nhà nước 51%

- Đại diện phần vốn Nhà nước là Tổng công ty Hàng hải Việt nam

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ ,phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 30/09/2020, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

+ Các xí nghiệp :

XN xếp dỡ vận tải và dịch vụ tại 280 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/09/2020, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 495 người.

##### 2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

##### 3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

### 4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý III năm 2020 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Sang Quý 3 năm 2020, đội tàu công ty chỉ còn lại 07 chiếc với tổng trọng tải là 134.158 DWT. Do ảnh hưởng của dịch Covid 19, giá cước vận tải của hầu hết các mặt hàng giảm 20%. Ngoài ra, do một số cảng ở một số thời điểm nhất định áp dụng hình thức phong tỏa chống dịch và do thời tiết không thuận lợi dẫn đến việc các tàu phải chờ đợi và thời gian xếp dỡ bị kéo dài hơn 30% so với cùng kỳ. Trong Quý, Công ty có 01 tàu lên đà sửa chữa định kỳ, ngừng vận doanh 52 ngày, trọng tải 27.841 DWT.

Các nguyên nhân trên dẫn đến doanh thu Quý 3 sụt giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi đó, chi phí cảng phí lại phát sinh tăng do thời gian xếp, dỡ kéo dài. Vì vậy kết quả hoạt động kinh doanh kém hơn cùng kỳ năm ngoái.

### II – KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

- 1- Kỳ kế toán năm : bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 của năm. Kỳ kế toán quý III năm 2020 bắt đầu từ ngày 01/07/2020 đến 30/09/2020.
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

### III – CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Chế độ kế toán áp dụng : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

#### 3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán nửa tập trung, nửa phân tán.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

### IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được qui đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

---

chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

### 2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ

tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

### 3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình , vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

### 4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

### 5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

---

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

#### **6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :**

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

#### **7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :**

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

#### **8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### **9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :**

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

#### **10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

---

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí ,thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

#### **11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :**

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

#### **12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :**

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

**13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại :** theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

**14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :**

	<u>Ngày 30/09/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
<b>1- Tiền</b>		
- Tiền mặt	1.280.187.004	1.120.617.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.434.492.911	16.892.087.619
- Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<u><u>21.714.679.915</u></u>	<u><u>18.012.704.619</u></u>
<b>2- Các khoản đầu tư tài chính</b>		
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>		
<b>c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>5.998.468.525</b>	<b>5.998.468.525</b>
- Đầu tư cổ phiếu	5.998.468.525	5.998.468.525
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 30/09/2020</i>		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải : 516.553 CP	4.185.040.000	4.185.040.000
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 60.000 CP	1.276.000.000	1.276.000.000
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	537.018.920	537.018.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	409.605	409.605
<b>Cộng</b>	<u><u>5.998.468.525</u></u>	<u><u>5.998.468.525</u></u>
<b>d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 60.000 CP	(1.190.800.000)	(1.177.000.000)
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	(523.544.520)	(513.438.720)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	-	-
<b>Cộng</b>	<u><u>(1.714.344.520)</u></u>	<u><u>(1.690.438.720)</u></u>
<b>3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
- Cty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	1.992.904.222	5.731.682.434
- Cty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	2.440.814.350	3.071.117.904
- Cty CP Vận tải biển Hoàng Sơn	16.635.289.073	
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	17.517.417.649	26.082.865.510
<b>Cộng</b>	<u><u>38.586.425.294</u></u>	<u><u>34.885.665.848</u></u>
<b>4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
- Tạm ứng	3.572.024.153	4.050.372.615
- Ký cược, ký quỹ	12.000.000	-
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	2.108.659.423	834.844.398
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
-BH tai nạn	7.557.886	8.621.886
- Bảo hiểm xã hội	191.695.212	200.534.141
- Bảo hiểm thất nghiệp	30.573.274	31.963.151 <sup>10</sup>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

- Trung tâm phát triển quỹ đất quận Lê Chân	2.983.955.413	2.983.955.413
- Các khoản chi hộ	97.238.766	1.055.646.198
- Các khoản phải thu khác	2.660.125.344	589.871.513
+ Phải thu khác	2.660.125.344	589.871.513
<b>Cộng</b>	<b>19.006.317.045</b>	<b>17.098.296.889</b>
<b>5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>Ngày 30/09/2020</b>	<b>Ngày 01/01/2020</b>
- Liana Carrier Ltd	59.231.742	59.231.742
- Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- CN Bạch Đằng- Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Cty TNHH thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000
-Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	96.689.200	96.689.200
- Cty TNHH TMDV XNK Phan Thành Phát	-	49.672.750
-Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	773.453.800	773.453.800
-Nguyễn Văn Bình	259.350.000	259.350.000
-Cty TNHH thương mại vận tải Việt Dũng	347.846.800	347.846.800
<b>Cộng</b>	<b>10.248.002.128</b>	<b>10.297.674.878</b>
<b>6- Hàng tồn kho</b>	<b>Ngày 30/09/2020</b>	<b>Ngày 01/01/2020</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	24.755.838.448	33.848.150.422
- Chi phí dịch vụ dở dang	579.458.751	656.398.374
- Hàng hoá	152.631.528	201.725.966
<b>Cộng</b>	<b>25.487.928.727</b>	<b>34.706.274.762</b>
<b>7- Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>Ngày 30/09/2020</b>	<b>Ngày 01/01/2020</b>
+ XD bãi container Đình Vũ - HP	91.957.200	91.957.200
+ Chi phí XD lò đất TM8 khu vực đường Hồ Sen	749.979.091	671.729.091
<b>Cộng</b>	<b>841.936.291</b>	<b>763.686.291</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình 09 tháng năm 2020**

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC TB	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
<b>I - NGUYÊN GIÁ TSCĐ</b>						
1 . Số dư đầu kỳ		24.054.233.362	1.450.139.987.133	130.752.694	334.154.249	1.474.659.127.438
2 . Số tăng trong kỳ		-	1.668.256.727	-	32.509.091	1.700.765.818
Trong đó :						
- Do mua sắm			1.668.256.727		32.509.091	1.700.765.818
- Đầu tư XD CB hoàn thành						-
3 . Số giảm trong kỳ		17.746.538.024	75.481.822.981	-	49.272.727	93.277.633.732
Trong đó :						
- Thanh lý, nhượng bán			75.481.822.981			75.481.822.981
- Chuyển sang CCDC theo TT45						-
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư		17.746.538.024				17.746.538.024
- Hông, không khắc phục được					49.272.727	49.272.727
4 . Số cuối kỳ		6.307.695.338	1.376.326.420.879	130.752.694	317.390.613	1.383.082.259.524
Trong đó :						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.407.609.050	81.161.107.213	100.752.694	284.881.522	84.954.350.479
- Chờ thanh lý						
<b>II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>						
1 . Đầu kỳ		15.855.938.695	986.098.638.282	115.614.451	334.154.249	1.002.404.345.677
2 . Tăng trong kỳ		607.486.696	63.311.159.670	3.214.287	135.455	63.921.996.108
- Khấu hao		607.486.696	63.311.159.670	3.214.287	135.455	63.921.996.108
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						-
3 . Giảm trong kỳ		11.477.684.832	75.481.822.981	-	49.272.727	87.008.780.540
- Thanh lý, nhượng bán			75.481.822.981			75.481.822.981
- Chuyển sang CCDC theo TT45						-
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư		11.477.684.832				11.477.684.832
- Hông, không khắc phục được					49.272.727	49.272.727
4 . Số cuối kỳ		4.985.740.559	973.927.974.971	118.828.738	285.016.977	979.317.561.245
<b>III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
1 . Đầu kỳ		8.198.294.667	464.041.348.851	15.138.243	-	472.254.781.761
2 . Cuối kỳ		1.321.954.779	402.398.445.908	11.923.956	32.373.636	403.764.698.279
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			398.477.149.596			398.477.149.596

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**9- Tăng , giảm tài sản cố định vô hình 09 tháng năm 2020**

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
<b>I - Nguyên giá</b>			
1 . Số dư đầu kỳ	-	238.654.500	238.654.500
2 . Số tăng trong kỳ	-	189.000.000	189.000.000
Trong đó :			
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
Trong đó :			
4 . Số cuối kỳ	-	427.654.500	427.654.500
<b>II - Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1 . Đầu kỳ	-	238.654.500	238.654.500
2 . Tăng trong kỳ	-	10.500.000	10.500.000
Do trích khấu hao		10.500.000	10.500.000
3 . Giảm trong kỳ	-	-	-
4 . Số cuối kỳ	-	249.154.500	249.154.500
<b>III - Giá trị còn lại</b>			
1 . Đầu kỳ	-	-	-
2 . Cuối kỳ	-	178.500.000	178.500.000

10- Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính 09 tháng năm 2020: Không có

11 - Tăng , giảm bất động sản đầu tư 09 tháng năm 2020

CHỈ TIÊU \ NHÓM TS	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	TỔNG CỘNG
<b>I - Nguyên giá</b>			
1 . Số dư đầu kỳ	6.508.156.449	128.290.146	6.636.446.595
2 . Số tăng trong kỳ	17.746.538.024	-	17.746.538.024
- Do chuyển từ TSCĐ sang	17.746.538.024	-	-
3 . Số giảm trong kỳ			
4 . Số dư cuối kỳ	24.254.694.473	128.290.146	24.382.984.619
<b>II - Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1 . Số dư đầu kỳ	6.094.176.789	128.290.146	6.222.466.935
2 . Số tăng trong kỳ	11.643.185.123	-	11.643.185.123
- Do chuyển từ TSCĐ sang	11.477.684.832	-	11.477.684.832
- Do trích khấu hao	165.500.291	-	165.500.291
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
4 . Số cuối kỳ	17.737.361.912	128.290.146	17.865.652.058
<b>III - Giá trị còn lại</b>			
1 . Số dư đầu kỳ	413.979.660	-	413.979.660
4 . Số dư cuối kỳ	6.517.332.561	-	6.517.332.561

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

	<u>Ngày 30/09/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
<b>12- Chi phí trả trước</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	1.297.201.571	2.053.613.742
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	156.189.201	155.200
<b>Cộng</b>	<u>1.453.390.772</u>	<u>2.053.768.942</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	20.182.022.183	21.578.647.957
- Chi phí trả trước dài hạn khác	45.833.333	-
<b>Cộng</b>	<u>20.227.855.516</u>	<u>21.578.647.957</u>
<b>14- Vay và nợ thuê tài chính</b>	<u>Ngày 30/09/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	35.000.000.000	34.100.000.000
Trong đó :		
+ Vay cá nhân	35.000.000.000	34.100.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	302.957.290.983	327.944.694.192
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	126.343.284.733	114.410.134.192
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	45.257.000.000	32.955.000.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	81.086.284.733	67.648.109.363
+ Nợ dài hạn đến hạn trả DATC	-	13.807.024.829
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	176.614.006.250	213.534.560.000
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	42.453.450.000	56.755.450.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	134.160.556.250	147.529.110.000
+ Nợ dài hạn DATC	-	9.250.000.000
<b>Cộng</b>	<u>337.957.290.983</u>	<u>362.044.694.192</u>
<b>15- Phải trả người bán</b>	<u>Ngày 30/09/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>		
KPI Bridge Oil Singapore Pte Ltd	-	8.481.089.570
Công ty xăng dầu khu vực III - TNHH MTV	5.062.235.725	-
Cty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	1.268.631.400	12.348.134.764
Monjasa	6.099.586.158	-
Phải trả các đối tượng khác	23.225.611.585	35.585.134.465
<b>Cộng</b>	<u>35.656.064.868</u>	<u>56.414.358.799</u>
<b>16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<u>Ngày 30/09/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
<b>a) Phải nộp</b>		
- Thuế thu nhập cá nhân	92.670.137	39.508.724
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	316.490.000	-
<i>trong đó: tiền thuê đất</i>	316.490.000	-
<b>Cộng</b>	<u>409.160.137</u>	<u>39.508.724</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

<b>b) Phải thu</b>		
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	8.374.144.917	8.374.144.917
- Thuế GTGT nộp thừa	-	1.117.405
<b>Cộng</b>	<b>8.374.144.917</b>	<b>8.375.262.322</b>
<b>17- Chi phí phải trả</b>		
	<b>Ngày 30/09/2020</b>	<b>Ngày 01/01/2020</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí phải trả lãi vay	118.669.640	208.456.320
- Chi phí phải trả khác	122.700.000	3.226.297.683
	<b>241.369.640</b>	<b>3.434.754.003</b>
<b>18- Phải trả khác</b>		
	<b>Ngày 30/09/2020</b>	<b>Ngày 01/01/2020</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
- Công đoàn phí	331.190.836	454.576.050
- Kinh phí công đoàn	1.013.219.487	756.186.623
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	70.158.416	89.469.762
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Bảo hiểm ốm đau thai sản	5.887.200	7.240.234
- Thuế TNCN	38.586.011	35.339.868
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.804.371.588	9.525.305.000
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	1.925.533.745	1.934.534.549
- Phải trả lãi vay các tổ chức tín dụng	27.887.628.415	22.094.059.356
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	920.123.061	637.541.473
<b>Cộng</b>	<b>39.996.698.759</b>	<b>35.534.252.915</b>
<b>Dài hạn</b>		
- Phải trả lãi vay NH TMCP	25.800.108.202	22.003.924.685
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý	33.691.312.869	53.691.312.869
<b>Cộng</b>	<b>59.491.421.071</b>	<b>75.695.237.554</b>
<b>19- Doanh thu chưa thực hiện</b>		
	<b>Ngày 30/09/2020</b>	<b>Ngày 01/01/2020</b>
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	194.338.523	58.129.869
<b>Cộng</b>	<b>194.338.523</b>	<b>58.129.869</b>
<b>20- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả : Không có</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**V21- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :****a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu 09 tháng năm 2020**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(249.133.828.468)	33.798.893.386
Tăng trong năm trước					-
- Tăng vốn trong năm nay					-
- Lãi năm 2019				29.273.101.738	29.273.101.738
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(219.860.726.730)	63.071.995.124
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(219.860.726.730)	63.071.995.124
-Lỗ Quý I				(15.626.419.709)	(15.626.419.709)
-Lãi quý II				17.929.510.453	17.929.510.453
-Lỗ quý III				(1.920.225.477)	(1.920.225.477)
Số dư cuối ngày 30/09/2020	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(219.477.861.463)	63.454.860.391

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

<b>b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:</b>	<u>Ngày 30/09/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
<i>Theo danh sách cổ đông chốt ngày 19/05/2020</i>		
- Vốn góp của Nhà nước 51% VDL	102.000.000.000	102.000.000.000
- Vốn góp của cổ đông Nguyễn Quang Dũng 5,17%	-	10.349.500.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 49 % VDL	98.000.000.000	87.650.500.000
<b>Cộng</b>	<u><u>200.000.000.000</u></u>	<u><u>200.000.000.000</u></u>

**c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :**

<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu ( nguồn vốn kinh doanh)</b>	<u>Ngày 30/09/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	-	-
	<u><u>200.000.000.000</u></u>	<u><u>200.000.000.000</u></u>

<b>d) Cổ phiếu</b>	<u>Ngày 30/09/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành :	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP

**d) Cổ tức****e) Các quỹ của doanh nghiệp :**

<b>- Quỹ đầu tư phát triển</b>	<u>Ngày 30/09/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
+ Số dư quỹ đầu năm	82.932.721.854	82.932.721.854
+ Tăng trong năm	-	-
+ Giảm trong năm	0	-
+ Số dư quỹ cuối năm	<u><u>82.932.721.854</u></u>	<u><u>82.932.721.854</u></u>

**23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****a) Ngoại tệ các loại**

<b>- Đồng đô la Mỹ (USD)</b>	<u>Ngày 30/09/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
	384.379,46	307.442,76

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐ KINH DOANH :**

	<u>09 tháng Năm 2020</u>	<u>09 tháng Năm 2019</u>
<b>24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV ( MS 01)</b>	<b>369.739.045.106</b>	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	369.739.045.106	
Trong đó :		
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	281.134.012.068	381.641.396.098
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	88.605.033.038	149.423.160.243
	<u>369.739.045.106</u>	<u>531.064.556.341</u>
<b>26- Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV(MS10)</b>		
	<u>369.739.045.106</u>	<u>531.064.556.341</u>
<b>27- Giá vốn hàng bán ( Mã số 11)</b>	<b>09 tháng Năm 2020</b>	<b>09 tháng Năm 2019</b>
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	297.466.545.086	350.858.637.178
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	84.450.154.795	145.974.591.489
<b>Cộng</b>	<u>381.916.699.881</u>	<u>496.833.228.667</u>
<b>28- Doanh thu hoạt động tài chính ( Mã số 21)</b>	<b>09 tháng Năm 2020</b>	<b>09 tháng Năm 2019</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.537.604	31.365.780
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.200	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	243.081.767	1.319.675.557
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	128.236.248	-
<b>Cộng</b>	<u>405.862.819</u>	<u>1.351.041.337</u>
<b>29- Chi phí tài chính ( Mã số 22)</b>	<b>09 tháng Năm 2020</b>	<b>09 tháng Năm 2019</b>
- Chi phí lãi vay	15.392.803.554	15.339.715.515
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	537.508.834	1.438.627.840
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	100.825.337
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	23.905.800	14.168.600
- Chi phí tài chính khác	343.548	342.299
<b>Cộng</b>	<u>15.954.561.736</u>	<u>16.893.679.591</u>
<b>30- Thu nhập khác</b>	<b>09 tháng Năm 2020</b>	<b>09 tháng Năm 2019</b>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	26.250.272.727	25.894.169.406
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(9.090.909)	-
- Các khoản khác	20.009.288.913	10.122.247.618
<b>Cộng</b>	<u>46.250.470.731</u>	<u>36.016.417.024</u>
<b>31- Chi phí khác</b>	<b>09 tháng Năm 2020</b>	<b>09 tháng Năm 2019</b>
- Các khoản bị phạt	25.076.721	17.920
- Các khoản khác	153.714.854	824.092.474
<b>Cộng</b>	<u>178.791.575</u>	<u>824.110.394</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	<u>09 tháng Năm 2020</u>	<u>09 tháng Năm 2019</u>
a) Chi phí bán hàng	4.578.054.167	8.353.043.087
Hoa hồng phí cho các tàu	4.578.054.167	8.353.043.087
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.384.406.030	16.415.717.524
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	619.046.948	1.143.145.840
Chi phí nhân công	9.594.043.893	11.621.500.246
Chi phí khấu hao tài sản cố định	334.105.209	305.694.607
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	168.534.140
Chi phí hoàn nhập dự phòng	(49.672.750)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.200.498.154	2.781.139.726
Chi phí khác bằng tiền	1.681.384.576	395.702.965
<b>Cộng</b>	<u><u>17.962.460.197</u></u>	<u><u>24.768.760.611</u></u>
33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :	<u>09 tháng Năm 2020</u>	<u>09 tháng Năm 2019</u>
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	111.246.695.853	165.890.427.920
- Nhiên liệu	103.923.875.626	140.187.454.719
- Nguyên liệu, vật liệu	7.322.820.227	25.702.973.201
33.2- Chi phí nhân công	66.130.926.874	69.975.787.559
- Tiền lương	54.187.416.614	57.945.550.030
- BHXH	4.540.551.939	4.563.490.085
- Bảo hiểm y tế	575.782.829	553.870.794
- Bảo hiểm thất nghiệp	259.692.310	260.770.862
- Kinh phí công đoàn	696.534.182	521.352.788
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	5.870.949.000	6.130.753.000
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.097.996.399	65.684.703.763
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.605.273.279	212.467.646.055
33.6- Chi phí khác bằng tiền	5.264.511.906	5.002.091.595
<b>Cộng</b>	<u><u>391.345.404.311</u></u>	<u><u>519.020.656.892</u></u>

**VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	<u>09 tháng Năm 2020</u>	<u>09 tháng Năm 2019</u>
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	2.740.000.000	13.090.000.000
- Tiền thu từ đi vay	2.740.000.000	13.090.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	26.897.024.829	56.170.000.000
- Tiền trả nợ gốc vay	26.897.024.829	56.170.000.000

**VIII- CÁC THÔNG TIN KHÁC****NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý**

Với Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam  
 - Cổ tức phải trả Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam

Ngày 30/09/2020Ngày 01/01/2020

7.179.066.588

8.900.000.000

09 tháng Năm 202009 tháng Năm 2019

- Phải thu của người mua Tổng cty Hàng hải VN

-

-

Phát sinh trong kỳ:

-

5.043.019.200

Đã thu trong kỳ

-

5.043.019.200

- Phải trả người bán Tổng cty Hàng hải VN

-

-

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

1.631.262.814

1.694.069.534

trong đó Thu nhập của Tổng Giám đốc

338.543.103

368.169.450

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

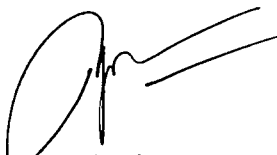
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý III năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

## 4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :

Các hoạt động	Quý III năm 2020	09 tháng Năm 2020	Quý III năm 2019	09 tháng Năm 2019
<b>Vận tải biển</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	91.860.913.465	281.134.012.068	122.941.355.475	381.641.396.098
- Chi phí	111.111.724.653	315.429.005.283	125.057.347.551	374.810.938.739
- Lợi nhuận	(19.250.811.188)	(34.294.993.215)	(2.115.992.076)	6.830.457.359
<b>Hoạt động dịch vụ</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	32.281.400.382	88.605.033.038	47.473.716.942	149.423.160.243
- Chi phí	31.145.519.123	84.450.154.795	46.959.340.048	146.791.050.539
- Lợi nhuận	1.135.881.259	4.154.878.243	514.376.894	2.632.109.704
<b>Hoạt động tài chính</b>				
- Doanh thu tài chính	236.897.633	405.862.819	1.075.232.494	1.351.041.337
- Chi phí tài chính	4.140.681.869	15.954.561.736	6.274.655.779	16.893.679.591
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(3.903.784.236)	(15.548.698.917)	(5.199.423.285)	(15.542.638.254)
<b>Hoạt động khác</b>				
- Thu nhập hoạt động khác	20.200.279.688	46.250.470.731	10.000.037.000	36.016.417.024
- Chi phí hoạt động khác	101.791.000	178.791.575	754.012.993	824.110.394
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	20.098.488.688	46.071.679.156	9.246.024.007	35.192.306.630

NGƯỜI LẬP

  
 Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

  
 Trần Thị Thanh Hương
